

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HNGĐ-PT**
Ngày: 29-12-2020
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mễ Thị T, sinh năm 1996. Có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh TR, sinh năm 1992. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Vũ Mạnh TR.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là chị Mễ Thị T trình bày: Chị và bị đơn là anh Vũ Mạnh TR tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/11/2013 tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Cưới xong, vợ chồng ở chung cùng gia đình anh TR tại xã C. Hai bên chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh TR chơi bời, thường bỏ nhà đi thâu đêm, chơi cờ bạc. Chị và gia đình đã khuyên bảo

nhiều lần, anh TR có hứa bỏ nhưng sau lại chơi tiếp, không thay đổi. Tháng 3/2020 chị đi làm về muộn, anh TR sinh sự, ghen tuông và đuổi khỏi nhà. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Ca Đình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, anh TR có sang đón chị nhưng thái độ không chân thành, luôn tỏ ra mình đúng nên chị không quay về. Ngày 29/5/2020, chị và em gái sang thăm con thì xảy ra xô xát, anh TR dùng gậy đánh khiến chị bị xây xát, bầm tím, em gái chị phải nhập viện.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm gì, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, chị xin ly hôn anh TR.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Đức G - sinh ngày 27/01/2014. Hiện cháu đang ở cùng anh TR. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, sau đó đến nay, chị đồng ý giao cháu G cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là anh Vũ Mạnh TR xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình chung sống và có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh sinh sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung. Sau khi lấy nhau được 6 tháng, chị T đã có ý định đòi bỏ cái thai vì nói anh chơi bời, không tin tưởng anh. Bản thân chị T là người không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình, đã nhiều lần có những hành vi mờ ám trong quan hệ. Vợ chồng anh có xảy ra xô xát, anh có đánh chị T và em chị T nhưng là do 2 chị em có những hành vi, cư xử không đúng, xúc phạm gia đình anh. Nay nếu chị T chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của anh là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng thì anh đồng ý ly hôn, không thì anh không nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mễ Thị T được ly hôn anh Vũ Mạnh TR.
2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Mạnh TR tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức G, sinh ngày 27/01/2014. Chị Mễ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung mức 750.000đ/1 tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

trên một tháng), kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu G trưởng thành, lao động tự túc được.

Chị Mẽ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị T và anh Trường đều không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/8/2020 anh Vũ Mạnh TR có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh TR vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng theo như biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị T có ý kiến khi hòa giải ở cấp sơ thẩm, do khi đó chị đang làm công nhân có thu nhập nên chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ nhưng khi xét xử chị bị ảnh hưởng sức khỏe do anh Trường đánh chị chị phải nghỉ việc, hiện nay chỉ làm ruộng không có thu nhập. Chị đề nghị giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con theo như cấp sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những ng-ời tiến hành tố tụng và những ng-ời tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của anh TR, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS sửa một phần Bản án sơ thẩm. Buộc chị Mẽ Thị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Đức G, sinh ngày 27/01/2014 mức 1000.000 đồng.

Anh Trường không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đ-ợc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thời hạn, hình thức đơn kháng cáo của anh Vũ Mạnh TR: Đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh TR đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa anh Trường đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh Trường 1.500.000đ/1 tháng theo như biên bản hòa giải ngày 16/6/2020 nhưng chị T không nhất trí do khi đó làm chị làm công nhân, có thu nhập ổn định nhưng sau đó bị ảnh hưởng sức khỏe do anh Trường đánh nên chị xin nghỉ việc ở nhà, không có thu nhập.

Theo hướng dẫn tại khoản 2, phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định “*Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con*” để làm căn cứ giải quyết.

Do vậy cấp sơ thẩm buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh TR mức 745.000đ/1 tháng, làm tròn là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Mạnh TR nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ.

[4] Về quan điểm giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Vũ Mạnh TR không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Bác kháng cáo của anh Vũ Mạnh TR.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6, a khoản 3 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mễ Thị T được ly hôn anh Vũ Mạnh TR.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Mạnh TR tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức G - sinh ngày 27/01/2014. Chị Mễ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung mức 750.000đ/1 tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng trên một tháng), kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu G trưởng thành, lao động tự túc được.

Chị Mễ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mễ Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị T phải nộp 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0001782 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chị T còn phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Mạnh TR phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận anh TR đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001876 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ.

“TR hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn